

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241092741	Lê Minh Quân	2410730	19		8.53		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
2	241092748	Vũ Phương Thảo	2410730	17		8.11		82.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
3	241092761	Bùi Minh Anh	2410731	17		8.11		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
4	241092768	Nguyễn Lê Phương Anh	2410731	17		8.28		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
5	241092800	Nguyễn Phương Linh	2410731	17		8.33		84.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
6	241092802	Thái Thùy Linh	2410731	17		8.25		79.00	13 600 000		13 600 000	Khá
7	241092810	Lê Thị Ngân	2410731	17		8.30		85.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
8	241092814	Nguyễn Tố Nguyên	2410731	17		8.34		92.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
9	241092817	Bùi Trịnh Minh Phương	2410731	17		8.09		82.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
10	241092820	Bạch Hưng Quốc	2410731	17		8.51		80.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
11	241092829	Nguyễn Minh Thư	2410731	17		8.38		90.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
12	241092856	Phan Linh Chi	2410732	17		8.21		87.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
13	241092869	Nguyễn Thanh Huyền	2410732	17		8.19		84.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
14	241092875	Đinh Phan Huyền Linh	2410732	17		8.25		88.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
15	241092899	Nguyễn Hoàng Tố Quyên	2410732	17		8.42		92.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
16	251092243	Ngô Xuân Dũng	2510625	17		8.87		84.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
17	251092245	Nguyễn Thị Trà Giang	2510625	17		8.70		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
18	251092249	Phạm Tuấn Hưng	2510625	17		8.52		87.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
19	251092302	Nguyễn Bảo Trâm Anh	2510626	17		9.24		93.00	16 320 000		16 320 000	Xuất sắc
20	251092341	Ngô Trần Bảo Nhi	2510626	17		8.42		95.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
21	251092369	Lê Trần Hà Anh	2510627	17		8.73		89.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
22	251092370	Nguyễn Đỗ Phương Anh	2510627	17		8.74		92.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
23	251092388	Nguyễn Diệp Khánh	2510627	17		8.54		85.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
24	251092395	Phùng Hoàng Phương Linh	2510627	17		8.46		89.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
25	251092397	Nguyễn Đình Lộc	2510627	17		8.94		92.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
26	251092402	Nguyễn Trần Tuệ Minh	2510627	17		8.45		93.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
27	251092410	Trần An Nhi	2510627	17		8.58		80.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
28	472305	Nguyễn Nhật Quang	4723	16		8.60		91.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
29	472337	Trần Thu Hương	4723	16		8.37		88.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
30	472349	Vũ Thanh Huyền	4723	16		8.58		88.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
31	472406	Nguyễn Thái Ngọc Huyền	4724	16		8.34		80.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
32	472425	Phùng Thị Khánh Linh	4724	16		8.31		76.00	12 800 000		12 800 000	Khá
33	472432	Vũ Thanh Hà	4724	16		8.54		84.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
34	472449	Bùi Phương Anh	4724	16		8.39		87.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
35	472453	Thái Lâm Ngọc	4724	16		8.48		86.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
36	472518	Nguyễn Thùy Anh	4725	24		8.70		84.50	21 120 000		21 120 000	Giỏi
37	472522	Trần Hồng Hạnh	4725	16		8.53		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
38	472544	Tạ Công Khôi	4725	16		8.31		80.00	14 080 000		14 080 000	Giỏi
39	472546	Nguyễn Đỗ Uyên Nhi	4725	16		8.58		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi
40	472551	Tống Anh Duy	4725	16		8.89		80.50	14 080 000		14 080 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật thương mại quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
41	482509	Phạm Phương Anh	4825	17		8.64		95.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
42	482542	Đặng Văn Mạnh	4825	17		8.43		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
43	482547	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	4825	17		8.68		89.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
44	482549	Ma Thị Thảo Nguyên	4825	17		8.43		84.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
45	482613	Phạm Ngọc Diệp	4826	17		8.63		95.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
46	482624	Nguyễn Minh Hiền	4826	17		8.77		88.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
47	482629	Lê Trần Minh Khang	4826	17		8.48		95.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
48	482665	Nguyễn Hà Trang	4826	17		8.40		91.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
49	482726	Cao Nguyên Hương	4827	17		8.51		89.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
50	482735	Nguyễn Phương Linh	4827	30		8.40		93.00	26 400 000		26 400 000	Giỏi
51	482751	Nguyễn Thị Phương Nhi	4827	17		8.69		93.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
52	482763	Đào Thu Trang	4827	17		8.85		91.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
53	482764	Đặng Huyền Trang	4827	17		8.64		92.50	14 960 000		14 960 000	Giỏi
54	482773	Hoàng Phi Yến	4827	17		8.42		89.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 54									815 360 000		815 360 000	